

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Lý Thị Bé Năm;

2/- Ông Đoàn Văn Phôi.

- Thư ký phiên tòa: *bà Tăng Thị Điền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: *bà Nguyễn Thị Liễu – kiểm sát viên.*

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 357/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Kiều N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: ông Thái Văn Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà N và ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N trình bày: bà và ông Thái Văn Đ là vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ (nay là phường Nhị Mỹ). Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ tháng 7/2019 đến nay.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Thái Ngọc Đ.

- Về con chung: bà và ông Đ có 02 con chung tên Thái Thị Thanh Ngân sinh ngày 30/9/2000 và Thái Thị Như Q sinh ngày 09/5/2007. Ly hôn bà N yêu cầu giao 01 con chung tên Thái Thị Như Q sinh ngày 09/5/2007 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn, ông Thái Văn Đ trình bày tại biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được như sau: ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị Kiều N do vợ chồng đã ly thân không hàn gắn được.

- Con chung: ông Đ yêu cầu nuôi con chung Thái Thị Như Q sinh ngày 09/5/2007, không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bà Lê Thị Kiều N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn, ông Thái Văn Đ vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến xác Đ: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lê Thị Kiều N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

Ông Thái Văn Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Lê Thị Kiều N và ông Thái Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy Đ của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Kiều N xác Đ cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Thái Văn Đ mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Ông Thái Văn Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị Kiều N do vợ chồng đã ly thân không hàn gắn được.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Kiều N và ông Thái Văn Đ là trầm trọng kéo dài, đời sống chung không hạnh phúc, đã ly thân nhau không hàn gắn được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ và phù hợp theo quy Đ tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Thái Thị Như Q sinh ngày 09/5/2007 nhưng ông Đ không đồng ý, ông Đ cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Cháu Thái Thị Như Q là con chung của ông Đ và bà N có bản tự khai xác Đ nguyện vọng được chung sống với bà N.

Thấy rằng: yêu cầu nuôi con của bà N là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy Đ tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông Đ.

Bà N chưa yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con.

[4]. Về tài sản chung: bà N và ông Đ không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà N phải chịu án phí theo quy Đ tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận Đ của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho bà Lê Thị Kiều N được ly hôn với ông Thái Văn Đ.

2. Con chung:

- Giao 01 con chung tên Thái Thị Như Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí: bà N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0965 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà N không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bà N và ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: N, Đ;
- UBND phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT